

A/- Những cảm nghĩ về giá trị văn hóa – lịch sử Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh ở Cù Lao Phố, nay thuộc xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

Vùng đất Trấn Biên xưa, ngày nay là Biên Hòa - Đồng Nai có lịch sử hình thành phát triển hơn 300 năm gắn liền với sự thăng trầm của các triều đại phong kiến cùng với các biến cố chính trị văn hóa quan trọng tạo nên nét đặc thù cho một đô thị phương Nam. Trong những nhân vật đã góp phần hình thành nền tảng ban đầu của chủ quyền lãnh thổ, thiết chế văn hoá xã hội cho Biên Hòa - Đồng Nai vào cuối thế kỷ XVII có một nhân vật mà công đức của Ông vẫn còn ghi đậm trong ký ức của người dân phương Nam, đó chính là Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh.

Người dân Trấn Biên xưa, Biên Hòa - Đồng Nai nay dựng Đình Bình Kính để tri ân và tưởng nhớ Ông, một vị Tiên hiền đã khai mở cơ nghiệp phía Nam cho Đại Việt mà hơn 300 trăm năm qua, nhiều thế hệ con dân đã tiếp nối cơ nghiệp to lớn của Ông, phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai ngày một sung túc, thịnh vượng và vững mạnh.

Ngược dòng lịch sử, cùng những nhóm cư dân được cho là bản địa ở vùng đất phương Nam như Choro, Mạ, S'tiêng, Koro, Khome ... người Việt đã đến vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai từ rất sớm, có thể vào khoảng thế kỷ XVI. Trong quá trình khẩn hoang lập nghiệp trên vùng đất mới, họ từng bước khẳng định sự tồn tại của cộng đồng bằng việc xây dựng một cuộc sống ổn định. Về đời sống tinh thần, người Việt hình thành những cơ sở tín ngưỡng để gắn kết cộng đồng và thỏa mãn nhu cầu tâm linh. Lúc ban đầu, những cơ sở tín ngưỡng được dựng lên với quy mô nhỏ, bằng những vật liệu vốn sẵn có tại chỗ như tre, lá, cây gỗ. Về sau, trong quá trình phát triển, những cơ sở tín ngưỡng được nâng cấp lên cả quy mô lẫn hình thức do sự lớn mạnh của chính cộng đồng dân cư trú tại chỗ.

Có thể nói, đình làng là một dấu ấn xác định sự hình thành của cộng đồng xã tộc người Việt trên vùng đất mới khi chưa có sự quản lý của nhà nước. Những người di dân tự do đến vùng đất mới gắn kết nhau trong làng xã qua hình thức cộng đồng chung trong tín ngưỡng thờ phượng mà ngôi đình là nơi tiêu biểu nhất. Trải qua nhiều thời kỳ, qua bao lần thay đổi về địa lý hành chính hay tác động của xã hội nhưng ngôi đình vẫn tồn tại. Nó minh chứng cho sức sống mãnh liệt không chỉ về mặt tâm linh mà còn sự gắn kết “đời sống vật chất” của người Việt. Vì vậy có thể nói, những giá trị di sản vật thể, phi vật thể đều ẩn chứa trong những di tích đình làng một cách sinh động. Thông thường, mỗi làng người Việt đều có một ngôi đình. Người xưa chọn đất dựng đình thờ thần nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh làng xã nhưng cũng chính là ước vọng sự sung túc, thịnh vượng của cả cộng đồng. Ngôi đình thường được xây dựng trên những khu đất có long mạch quý, phong cảnh minh quang tỏa xuất các hướng theo quan niệm về thuật phong thủy xưa.

Những ngôi đình ở Đồng Nai thường bắt nguồn từ các miếu, đền. Ban đầu, có thể một số làng lân cận cùng chung dựng một ngôi đình. Sau này, về mặt phân chia hành chính, những làng rộng lớn trước kia đông dân cư, phát triển thì được chia ra nhiều làng thôn khác. Ngoài ra, những ngôi đình mới được dựng lên theo cộng đồng dân cư mới thành lập hoặc theo địa lý quy định. Số lượng các ngôi đình ở vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai ngày càng nhiều lên theo sự phát triển của cộng đồng dân cư. Tên gọi của các ngôi đình

gắn liền với tên gọi của làng xã. Mặc dầu cho đến nay, nhiều địa bàn có sự thay đổi về tên gọi, vùng nông thôn xưa giờ lên phố thị nhưng thường các ngôi đình vẫn giữ nguyên tên trong cách gọi dân gian.

Phần lớn những ngôi đình ở Biên Hòa - Đồng Nai được xây dựng theo kiểu thức kiến trúc nhà tứ trụ. Đây là kiểu thức nhà rường nhưng gian trung tâm gồm 4 cột cái bố trí cách đều; từ bốn cột cái, các kèo dầm, kèo quyết đưa ra bốn hướng nhau tạo không gian vuông vức. Đây chính là không gian thiêng, trung tâm cho việc thờ tự chính trong đình.

Ngoài chánh điện, tùy nơi mà ngôi đình có nhà Võ, nhà hội, nhà trù. Thông thường, trên khu đất rộng thì ngôi đình bố trí theo thứ tự cổng đình, bình phong, nhà Võ, chánh điện, nhà hội, nhà trù. Tuy nhiên, do phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhiều ngôi đình ở Biên Hòa - Đồng Nai không theo thứ tự này hoặc không có những nếp nhà ngoài khu chánh điện. Tùy nơi mà quy mô và các nếp nhà, vật liệu xây dựng, tôn tạo khác nhau nhưng cơ bản chánh điện những ngôi đình vẫn giữ được dạng kiến trúc truyền thống này.

Đối tượng thờ cúng chính trong các ngôi đình ở Biên Hòa - Đồng Nai là Thần Thành Hoàng. Đây là vị thần linh được xem là bảo hộ của thôn làng. Thường ở khu chánh điện, gian thờ trung tâm, thần được thờ với biểu tự chữ Hán (đại tự) thếp vàng. Ở một số đình thờ nhân thần thì có tượng thờ. Có thể trước đó chưa có, sau này, tưởng nhớ công đức của những người có công giúp dân của làng xã, xứ sở nên dân làng tôn thờ họ, tôn họ thành phúc thần. Như đình Mỹ Khánh thờ Nguyễn Tri Phương, đình Bình Kính thờ Nguyễn Hữu Cảnh, đình Tân Lân thờ Trần Thượng Xuyên, đình Tam Hiệp thờ Đoàn Văn Cự... Đây là những người được xem là anh hùng của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, đã có nhiều công lao giúp cho người dân Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng hay Nam Bộ nói chung khai khẩn, đánh giặc, mở mang làng xã.

Đình Bình Kính, còn gọi là Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, di tích lịch sử tồn tại hơn ba thế kỷ ở xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa. Đình tọa lạc trên diện tích đất rộng, bên tả của nhánh sông ôm trọn Cù lao Phố, dưới chân cầu Ghềnh, mặt tiền nhìn về hướng Tây Nam, soi bóng xuống dòng nước Đồng Nai trong xanh, hiền hòa.

Ngôi đền được dựng vào năm nào, ngày nay chưa có tài liệu nào đề cập cụ thể. Có lẽ, sau khi Nguyễn Hữu Cảnh mất, người dân thôn Bình Hoành cảm nhớ vị công thần của đất nước có công lớn đối với vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai nên mới dựng ngôi đền thờ. Ban đầu, ngôi đền nhỏ, được làm từ vách ván, mái lợp ngói âm dương. Sách Gia Định thành thông chí có ghi chép về di tích với tên gọi là đền Lễ Công như sau:

“... ở phía nam Cù Lao Phố, thôn Bình Hoành, huyện Phước Chánh, thờ khai quốc công thần Tráng Hoàn hầu Nguyễn Hữu Kính (Cảnh). Đền trông ra sông Phước Giang, lấy đá ngầm làm thủy thành, dưới có cá chép lạ, lớn 6,7 thước, cứ đêm khuya tỉnh mạch, thường hướng vào đền, quã nháy dưới sông bơi lội ngược xuôi, như hình múa lạy. Sau qua loạn Tây Sơn, hương tàn khói lạnh.

Đến đời Trung hưng, cấp cho 10 người từ phu, hàng năm cho tiền công tế vào mùa xuân, cầu đảo thường linh ứng; năm Tự Đức thứ tư, quan tỉnh tâu rằng đền lâu ngày mục nát, lại bị nước xói, phụng mệnh cấp cho 400 quan tiền giao dân sở tại mua vật liệu, dựng lại đền ở sau cách 10 trượng...”

Tư liệu trên cho thấy, thời bấy giờ đền Lễ Công có một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân Biên Hòa - Đồng Nai. Kiến trúc ban đầu của đền không còn lưu giữ được do sự hủy hoại của tự nhiên. Năm 1851, đền được xây lại và cách vị trí cũ khoảng 400 mét. Hơn 100 năm sau, đền được tu sửa bao nhiêu lần không ai rõ. Năm 1960, Ban quý tế đền đứng ra chủ trì việc trùng tu. Trước chánh điện mở thêm hành lang rộng 2 mét, các cột chính được đắp rồng, các cửa gỗ được thay bằng cửa sắt kéo, mái lợp ngói âm dương thay cho loại vẩy cá trước đây. Di tích còn giữ lại ngày hôm nay có lối kiến trúc tương đối hiện đại, các nét xưa còn lại ít, có chăng là ở nội thất trong các trang trí hoa văn, đồ thờ.

Di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh xây theo dạng chữ Đinh, mặt tiền hướng ra sông Đồng Nai, phía Tây Nam. Chánh điện đền hình vuông, tường gạch trát đá rửa, bốn mái lợp ngói vẩy cá, nền lát gạch tàu. Phía trước mái đền gắn đôi rồng châu pháp lam bằng gốm men xanh, đối xứng hai bên là cặp lân. Hàng cột hành lang mặt trước được đắp trang trí hình ảnh rồng cuộn, châu đối nhau bằng chất liệu xi măng, sơn phết rực rỡ. Từ ngoài vào theo lối chính có ba cửa. Hai bên cửa có khắc chìm hàng chữ Hán với nội dung nói về đền thờ Bình Kính, công lao của Nguyễn Hữu Cảnh với vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai.

Nội điện có ba hàng cột gỗ lớn. Trên các cột đều có treo liễn đối. Các hoành phi thể hiện dưới dạng đại tự chữ Hán, liễn đối được trang trí hoa văn sơn son thếp vàng vẫn giữ tươi màu dù đã trải qua nhiều năm tháng. Dưới những hoành phi là những bao lam gỗ được chạm trổ các đề tài lưỡng long châu nhật, hoa chim sơn kim nhũ óng ánh. Gian giữa chánh điện thờ thần, hai bên thờ tả ban, hữu ban liệt vị. Một góc bên bàn thờ có tủ kiếng giữ bộ áo mào tương truyền là của Đức Ông Nguyễn Hữu Cảnh thuở sinh thời. Trước bàn thờ thần là bàn La liệt, bàn thờ Hội đồng, xung quanh đắp nổi bộ tứ linh và ở trên có đôi hạc và lưỡng long. Gian giữa bày hai hàng bát bửu bằng đồng. Dọc theo bờ tường hai bên có bốn bệ bằng xi măng thờ các bậc Tiên hiền, Hậu hiền, Thế hiền và Thánh nương mẫu.

Điểm nổi bật trong nội điện về điêu khắc gỗ là các hương án được thực hiện công phu của các nghệ nhân khi thể hiện các đề tài rồng châu, tứ linh, muông thú, hoa lá ... rất tinh vi, sắc sảo. Phía sau chánh điện là khu nhà khách, nhà bếp và nhà kho.

Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh là một trong số ít những di tích ở Biên Hòa còn lưu giữ được sắc thần, trong đó ghi rõ tên họ, chức tước vinh hiển, thứ bậc Thượng đẳng thần của vua ban phong cho Nguyễn Hữu Cảnh.

Vị khai quốc công thần, Thượng đẳng thần, Chương cơ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh sinh năm Canh Dần (1650) tại Xã Chương Tín, huyện Phong Lộc nay là xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, tên ông còn được đọc trại là Nguyễn Hữu Kính; trong tộc họ Ông còn có tên là Lễ bởi vậy nên có tước là Lễ Thành Hầu.

Ông là một kiệt tướng đời chúa Minh Nguyễn Phúc Chu (Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng đế, 1691-1725). Nguyễn Hữu Cảnh là hậu duệ 19 đời của Khởi tổ Nguyễn Bặc; hậu duệ 9 đời của Hậu tổ Nguyễn Trãi; cháu bàng hệ 7 đời của tổ Nguyễn Như Trác; cháu bàng hệ 5 đời của Nguyễn Kim; cháu nội của Triều Văn Hầu Nguyễn Triều Văn; con trai thứ 3 của Chiêu Vũ Hầu Nguyễn Hữu Dật; em ruột của Hào Lương Hầu Nguyễn Hữu Hào.

Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh lớn lên trong một gia đình cả ba cha con đều là những vị tướng có công lao to lớn trong việc phò tá các chúa Nguyễn giữ vững và phát triển phía Đàng Trong.

Xuất thân trong một gia đình võ tướng, am tường quốc sự, lại được chứng kiến bao cảnh truân chuyên của xã hội đương thời, Ông đã sớm dần thân vào cuộc chiến. Nguyễn Hữu Cảnh đã phụng mạng cầm quân “thống binh” xông pha trận mạc ở tuổi đời chưa quá 22 (1650-1972) để phò chúa an dân giữ yên bờ cõi. Được chúa Nguyễn Phúc Chu tin cậy, Nguyễn Hữu Cảnh với tài thao lược, trí thông minh và bản lĩnh hơn người, đã lập nhiều chiến công hiển hách.

Vào những năm 1690-1691, lúc này người nối ngôi vua Chăm Pa là Kê Bà Tranh, có ý muốn giành giật, bỏ bang giao đem quân Chiêm Thành qua sát biên giới sát hại cư dân Phú Diên Ninh (Diên Khánh), quấy nhiễu biên giới Đại Việt. Đầu năm 1692, chúa Nguyễn phái Nguyễn Hữu Cảnh làm thống binh cùng với tham mưu Nguyễn Đình Quang đem quân đi bình định biên cương. Xuân Quý Dậu (1693) Nguyễn Hữu Cảnh đã thành công trong việc dẹp giặc Chiêm Thành ở bờ cõi phía Nam, sát nhập toàn bộ các phần đất của Chiêm Thành vào Đàng Trong. Vùng đất mới đã bình yên, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh tuân lệnh chúa lập ra Trấn Thuận Thành mà ngày nay là vùng đất của hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận; tháng 8 năm ấy đổi làm phủ Bình Thuận. Với công lao đó, Nguyễn Hữu Cảnh đã đưa về cho Chúa Nguyễn một vùng đất rộng lớn, kéo dài từ Khánh Hòa vào đến hết tỉnh Bình Thuận ngày nay.

Tháng 7-1693 ông trở về Phú Xuân. Tại đây, chính ông đã xin chúa Nguyễn Phúc Chu tổ chức chiêu mộ dân nghèo khắp xứ Thuận - Quảng để đưa vào Nam cùng với một số nhân vật nổi tiếng khác như: Nguyễn Tri Thắng, Nguyễn Tấn Lễ, Chu Kiên Lễ...

Tháng 2 năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn Phúc Chu cử Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh làm kinh lược sứ với sứ mạng là thống suất Kinh Lược. Ngược dòng sông Đồng Nai, đầu tiên ông quyết định cho đoàn chiến thuyền cập bờ và đóng bản doanh tại Cù Lao Phố (Đồng Nai) để quan sát và định vùng an dân. Bằng sự nhận xét thận trọng về mọi mặt: đất đai hoang phế mênh mông nhưng toàn là sinh lầy cùng rừng rậm; nhân lực thì yếu kém, đời sống sinh hoạt của các sắc dân quá thô thiển thật là thiên nan vạn nan! Nhưng với ý chí quả cảm, bất kể nguy khó hiểm nghèo Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vạch ra kế sách toàn diện, cấp tốc: Khai hoang mở cõi và dàn xếp biên cương. Song song với việc khẩn hoang, thống suất Nguyễn Hữu Cảnh thi hành ngay việc chia đất định vùng, đưa dân dân chúng vào nếp an cư lạc nghiệp.

Ông đã lấy toàn bộ vùng đất Đông Nam bộ ngày nay về cho Chúa Nguyễn. Thực ra đây là vùng đất có chủ nhưng lại rất vắng bóng người và chính quyền Thủy Chân Lạp chưa bao giờ thực sự quản lý được, cũng chưa bao giờ nắm vững được những gì liên quan tới toàn bộ vùng đất miền Đông Nam bộ. Với sự kiện này, Nguyễn Hữu Cảnh đã đem về cho đất nước một vùng đất rộng lớn, từ Bà Rịa - Vũng Tàu cho đến tỉnh Tiền Giang hiện nay. Đây là một vùng đất trù phú, đặc biệt quan trọng mà Nguyễn Hữu Cảnh đã đem về cho đất nước.

Về hành chính, theo Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức, ông chia đất Đông Phố: Lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên (Biên Hòa); Lập

xứ Sài Côn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn (Sài Gòn bây giờ). Mỗi trấn có lưu thủ đứng đầu quản trị, dưới có cai bạ coi về ngân khố, ký lục coi về hành án. Tất cả đều trực thuộc phủ Gia Định. Trấn Biên bao gồm từ Bình Thuận đến Nhà Bè. Phiên Trấn bao gồm từ Tân Bình đến Cần Giuộc (Long An).

P phủ Gia Định ngày đó gồm từ Bình Thuận, Sài Gòn, Đồng Nai, Nhà Bè đến Long An. Khi đó địa bàn Đồng Nai Gia Định được nói rộng thêm ra hàng ngàn dặm vuông, các chủng dân được quy tụ dựng thành chòm xóm. Dân số có đến 40.000 hộ. Nhà cửa bắt đầu mọc lên sầm uất. Liền đó, Thống suất Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vạch ra quy hoạch: Thiết lập làng xã, khóm ấp; Lập sổ đình, sổ điền; Định mức tượng trưng về thuế tô, thuế dung.

Riêng người Hoa tập trung làm hai xã để việc thương mại có cơ hội bành trướng đều khắp: Xã Thanh Hà ở huyện Phước Long (Biên Hòa, Đồng Nai); Xã Minh Hương ở huyện Tân Bình (Sài Gòn, Bến Nghé). Tất cả dân số người Hoa cũng đều nhập sổ bộ Đại Việt.

Về thương mại, ông cho lập đường thủy ven các nhánh sông, lấy khu chợ nổi Nhà Bè cổ nơi ngã ba sông Bình Dương làm trung tâm giao dịch, thương lưu với các ngã: Cù Lao Phố, Bến Nghé, Cần Giờ, Rạch Cát, Vũng Cù (Cần Giuộc) và Gò Vấp. Nguyễn Hữu Cảnh tiếp tục mua bán, trao đổi hàng hóa giữa trong nước với nước ngoài nhờ đó mà nền kinh tế Trấn Biên và Phiên Trấn ổn định cuộc sống người dân sung túc. Đặc biệt bến tàu Châu Đại Phố của nhóm Hoa thương nhem nhúm còn quá luộm thuộm, giờ đây cũng được khuyến khích cho có qui cũ, đi lại dễ dàng, thuyền bè vào ra tấp nập. Vị trí này sau đã nhanh chóng thành tên Cảng Đại Phố. Đây chính là bến cảng non trẻ nhất của miền này ở cuối thế kỷ 17, đầu thế kỷ 18.

Về quân sự, đã có sẵn một lực lượng binh chủng gồm thủy binh, bộ binh, tinh binh và thuộc binh. Thống suất cho cắt đặt các cơ đội canh phòng yên ổn thôn trang và quân lính cả hai dinh lo bảo vệ chủ quyền tại suốt vùng đất mới thành lập.

Đánh giá về ý nghĩa lịch sử nói trên, Nguyễn Hữu Cảnh thuộc lớp người đầu tiên khai cơ, người đầu tiên bố trí hệ thống Nhà nước trên miền đất mới. Học giả Trần Bạch Đằng đã viết *“ý nghĩa quan trọng nhất của việc làm này là ở chỗ dân lưu tán được thừa nhận là công dân của nước Việt Nam, ruộng đất khai hoang được vào sổ bộ chính thức, làng mạc được bảo vệ như mọi làng mạc khác của Việt Nam. Sự xác lập cương vực quốc gia đã tránh ít nhất về mặt pháp lý những mối đe dọa từ bên kia biên giới. Cho nên dân khai hoang coi ông như người đại diện của tổ quốc. Ông thoả mãn cả yêu cầu quyền lợi và tình cảm của dân lưu tán. Có thể nói ý thức quốc gia, ý thức dân tộc của dân lưu tán đã tôn vinh Nguyễn Hữu Cảnh. Thời gian 3 năm là sự kết đọng một nguyện vọng đã xuất hiện và nung nấu nhiều trăm năm”*.

Dù thời gian chuyển kinh lược ngắn nhưng Nguyễn Hữu Cảnh đã thực hiện những công việc quan trọng và có ý nghĩa lớn đối với việc khai khẩn vùng đất Nam Bộ. Từ một vùng lưu dân tự phát, được chúa Nguyễn đồng ý, Nguyễn Hữu Cảnh đã tổ chức một cuộc di dân lớn nhất trong lịch sử, đưa dân từ Bồ Chính (Quảng Bình), Quảng Trị, Quảng Đức, Quảng Nam, Quảng Ngãi (Ngũ Quảng) vào khai phá vùng đất hoang vu để có Nam bộ trù phú như ngày nay.

Nguyễn Hữu Cảnh định hướng phát triển, khai khẩn ruộng đất, đặt đơn vị phường xã, chuẩn định thuế, lập bộ tịch đình điền ... tạo cơ sở cho việc phát triển vùng đất Đồng Nai và chính thức sáp nhập vùng đất mới phương Nam vào bản đồ Đại Việt. Cuối năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh được triều đình triệu về trấn giữ dinh Bình Khương (thuộc Khánh Hòa ngày nay).

Sau hơn 8 năm quan hệ Việt - Miên yên ổn, triều đình Chân Lạp lại cho quân qua đốt phá nhà cửa của dân chúng ở vùng biên giới, cướp bóc dân buôn, cướp phá các dinh của nước ta. Năm 1699, nước Chân Lạp tấn công Đại Việt. Trước tình hình ấy, mùa thu năm Kỷ Mão (1699) chúa Nguyễn Phúc Chu lại lệnh Chưởng cơ Nguyễn Hữu Cảnh làm Thống suất vào Nam lo giữ biên cương. Tháng 2 năm Canh Thìn (1700) đại quân của Nguyễn Hữu Cảnh đóng bản doanh tại Rạch Cá (Ngư Khê) tức Long Hồ thuộc tỉnh Vĩnh Long bây giờ.

Tháng 3, (1700) Nguyễn Hữu Cảnh chia quân làm hai đạo tấn công vào tận thành La Bích còn gọi là Nam Vang, thủ đô của Chân Lạp. Vua Chân Lạp thua trận và quy hàng. Từ đó vùng đất phía Nam yên ổn, lãnh thổ Đại Việt được mở rộng hơn xuống địa phận Chân Lạp. Việc xác lập chủ quyền cho người Việt Nam được Nguyễn Hữu Cảnh hoàn tất. Như vậy, là với hai sự kiện lớn, Nguyễn Hữu Cảnh đã đem về cho đất nước một vùng đất kéo dài từ Khánh Hòa cho đến tận Tiền Giang ngày nay. Trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam chưa một ai đã làm được một việc tương tự như vậy.

Tháng 4, (1700) Nguyễn Hữu Cảnh cho dựng chân tại cồn Cây Sao tức sao Mộc Châu mà ngày nay gọi là Cù Lao Ông Chưởng để báo tiếp khai hoàn về Phú Xuân và đợi lệnh Chúa. Nhưng một căn bệnh đã ập đến với ông, ngày 9 tháng 5 năm Canh Thìn thuyền đến Rạch Gầm (Sầm Khê) thì ông qua đời, thọ 51 tuổi. Trên đường di quan ông về quê an táng, quan tài của ông được đình lại khu đất khi xưa ông đặt Đại bản doanh ở Cù lao Phố để cho nhân dân địa phương có dịp bái biệt ông lần cuối.

Khi Nguyễn Hữu Cảnh mất, nhân dân Biên Hòa thương kính, tỏ lòng biết ơn đã đồng tâm lập miếu võ trang nghiêm, tôn thờ ông như vị thành hoàng đầy hiển linh, luôn giúp cho xứ sở bình an, thịnh vượng. Nơi đình quan đã được nhân dân địa phương xây một ngôi mộ vọng để ghi nhớ sự kiện này, nằm ở phía Đông của đền khoảng 50 mét. Ngôi mộ xây theo hình khối chữ nhật, nguyên thủy bằng hợp chất, sau được tô một lớp xi măng. Tường bao xung quanh có cột, bình phong và lân châu. Hàng năm, tại đền, người dân địa phương tổ chức hai lần lễ tế vào các ngày 16/5 và ngày 11/11 âm lịch, cầu cho quốc thái dân an và tưởng nhớ công lao của bậc tiền nhân có công mở mang vùng đất phương Nam của Tổ quốc.

Khi hay tin Nguyễn Hữu Cảnh mất, Chúa Nguyễn vô cùng thương tiếc truy tặng Nguyễn Hữu Cảnh Hiệp tán công thần, đặc tiến Chưởng dinh, Tráng Hoàn hầu. Thời vua Nguyễn, Nguyễn Hữu Cảnh được truy phong Thượng đẳng công thần đặc Trán Phủ Quốc Chưởng cơ với tước Lễ Thành Hầu và đưa bài vị của ông vào thờ tại Thái miếu. Ông được coi là “Thượng đẳng thần”, là “Khai quốc công thần”.

Về Lăng mộ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh nằm trên một ngọn đồi rộng của dãy núi An Mã, thuộc xã Trường Thủy, huyện Lệ Thủy; cách trung tâm huyện Lệ Thủy 25 km về phía Nam. Hiện nay, trong khuôn viên lăng mộ Nguyễn Hữu Cảnh ở Quảng Bình

còn có một tấm bia đá rất có giá trị. Bia mộ Nguyễn Hữu Cảnh được tạc bằng đá xanh (cảm thạch) với kiểu dáng thường gặp ở cuối triều Nguyễn. Bia cao cả chân 1,2m. Mặt trước của bia hướng về ngôi mộ có khắc 3 dòng chữ Hán, nội dung là:

- Dòng phải: Người mở mang đầu tiên miền Nam bậc khai quốc thân thượng cấp của triều Nguyễn.
- Dòng giữa: Mộ của Vĩnh an hầu Nguyễn Hữu Kính.
- Dòng trái: Người cháu 4 đời của quý hương là quan cai quản đạo quân hưng nghĩa Ngũ Đức Hầu Nguyễn Hữu Mạn lập bia mộ vào thời Gia Long sơ niên.

Mặt sau bia có nội dung: Ngày 16 tháng 7 năm 1925, Nguyễn Hữu Bài Viện trưởng Viện cơ mật, Đại thần thái tử thái phó, Phúc môn bá Đại học sĩ điện Võ Hiện đã mang con là Thị Dương tôn kính phụng lập bia mộ này.

Việc tìm ra ngôi mộ của Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh đã giải quyết được những tồn nghi trong lịch sử mà nhiều cuộc hội thảo khoa học về thân thế và sự nghiệp của ông trước đây đặt ra những vấn đề cần phải tìm hiểu, nghiên cứu về những ngôi mộ của ông ở Cù Lao Phố, Rạch Gầm, Điện Bàn - Quảng Nam hay ở Thác Ro - Quảng Bình.

Trong dịp lễ kỷ niệm 300 năm (1698-1998) hình thành và phát triển vùng đất Biên Hoà - Đồng Nai, Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai đã xây dựng nhà bia trong phạm vi di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh. Đây là một công trình văn hoá, tưởng nhớ công đức của các bậc tiền nhân đã có công khai phá, xây dựng, bảo vệ và làm rạng danh vùng đất Trấn Biên xưa - Đồng Nai nay cũng như truyền thống anh dũng của quân dân Đồng Nai trong công cuộc bảo vệ, xây dựng vùng đất này. Lễ khánh thành Nhà bia được tổ chức ngày 15 tháng 12 năm 1998. Tác giả văn bia là nhà nghiên cứu Huỳnh Ngọc Trảng. Với lối văn biên ngẫu, cách tân, ngắn gọn mà đầy đủ, giàu chất thơ, đậm chất sử, chuẩn xác và hữu tình, trí tuệ và trung thực, nội dung văn bia thể hiện được tình cảm của người dân Biên Hoà - Đồng Nai đối với quá khứ hào hùng của tiền nhân, của Hào khí Đồng Nai. Những sự kiện lịch sử, địa danh, nhân vật... được đề cập trong văn bia một cách cô đọng, phản ánh trung thực diễn trình của đất, người Đồng Nai trong suốt độ dài và chiều sâu của lịch sử 300 năm.

Toàn bộ nội dung văn bia như sau:

“Sách sử chép rằng: 300 năm trước, từ cửa sông Xoài Rạp đến thượng nguồn Đồng nguyên, núi sông một dãy mịt mù chưa phân định...

Rừng hoang chờ đợi mỗi mòn một áng khói lam chiều từ bếp ấm; sông xanh khao khát một tiếng chèo khua.

Cọp, sấu thét gầm: muôn thú chưa người cai quản;

Mặt đất âm u: không kẻ vạch lá bẻ gai.

Nhà Bè nước chảy chia hai, một hôm ngã ba sông vang tiếng hát; bìa rừng lặng gió, đêm nọ, ngân một khúc ầu ơ...

Rựa chặt rừng hoang, đánh lửa đốt cây, gieo hạt: một hộc thóc gặt hơn trăm hộc. Nhất thóc nhì cau; com Nai - Rịa, cá Rí - Rang tiếng đồn tứ xứ.

Cù Lao Phố bốn phương tụ hội: chẻ đá lát đường, dựng lầu xây phố; tàu hải dương mua bán chạt sông - xír đô hội rằng Nam Trung không đâu sánh kịp.

Ngày lại tháng qua, năm Mậu Dần, tiết xuân còn ấm, tiếng trống chiêng quan quân vào đến: Lễ Thành hầu cầm gươm xuống đất, định danh Phủ Gia Định từ đây; vạch dọc xẻ ngang lập thôn, lân, xóm, ấp: xem địa cuộc phân thành hai huyện: lấy Đồng Nai đặt huyện Phước Long, dựng dinh Trấn - án ngữ địa đầu vùng đất mới!

Đất đã có tên, làng thôn có đình, chùa, miếu võ: hát xướng âu ca câu quốc thái dân an; Văn Thánh miếu rõ ràng, chốn lều tranh vách lá: ê a chữ thành hiên.

Đặng Đại Độ bêu lũ hại dân tanh hôi giữa chợ; Nguyễn Thị Tôn gióng trống kêu oan, ba hồi sấm động trước công đế đô.

Trịnh Hoài Đức, Bùi Hữu Nghĩa... đèn sách dùi mài, đưa xú sở bước lên hàng văn vật; Thủ Huồng, Thị Vải... kẻ tâm thành, người trinh liệt ghi sự tích cho núi, cho sông.

Những tưởng: trăm năm võ ruộng: đất điền mặc sức chim bay; hăng tin: núi rộng, sông dài, trên bến dưới thuyền, phố chợ thênh thang, sung mãn. Nào ngờ đâu: Bến Nghé cửa tiền tan như bọt nước; tàu sắt, súng đồng giặc đến; Đồng Nai tranh ngôi nhuộm màu mây.

Muôn người như một, chẳng đợi quan đòi, trống giục, liều mình xông tới, một lưỡi dao phay cũng quyết ra tay dóc sức đoạn kình.

Hỡi ôi! Đại đồn Chí Hòa thất thủ, Tán lý sa cơ, máu đổ binh nhung; Biên Hòa nước mắt ròng ròng, thấp nén hương thơm, lập đền thiêng thờ hồn tử sĩ.

Giặc cậy súng to, tàu lớn lán vô: giăng dây thép, vẽ họa đồ muốn biến dân ta thành trâu thành ngựa; nào hay đâu lục tỉnh Nam kỳ, cờ Bình Tây lầy lừng khắp chốn: dưới Long Thành, Nguyễn Lữnh Bình dấy quân ứng nghĩa; trên Bưng Kiệu Đoàn Văn Cự mưu đại sự phục thù. Trại Lâm Trung son đỏ máu tím lòng: sinh vi tướng, tử vi thần - sống chết anh hùng nào nại.

Trời Đông Phố, sáng chiếu phủ kín mây đen, bọn Lang-sa xi xô qua lại; rừng cao su bao kẻ kiếp mọi người, đám thầy chú vẩy roi da, inh ỏi thét.

Máu lệ chan hòa, hạt giống đỏ Phú Riêng nảy mầm từ ấy; cờ búa liềm phát phới nơi hăng xương, làng thôn: “Hỡi những người nô lệ ở thế gian, vùng đứng dậy, trận này là trận cuối”.

Tháng Tám cách mạng thành công: Độc lập, Tự do - tiếng reo hò vỡ ngực;

Mùa Thu năm ấy, sao vàng xao xuyến: Chiến khu Đ vang dội “Tiếng quân ca”.

Rừng núi dang tay, đón người yêu nước.

Kẻ tập bắn, người làm thơ, rèn gươm thiêng thề sống chết với quân thù.

Tập kích Biên Hòa: Đất ta đâu để giặc thù chiếm đóng; chặn đánh La Ngà: cắt lộ giao thông không cho chúng lại qua.

Trận Đồng Xoài vừa dứt, trận Trảng Bom, Trảng Táo bùng lên; tháp canh, lô-cốt chắc bền: đêm hăm hai - một phút tan thành bình địa (...)

Thục dân Pháp hét hồn ôm đầu bỏ chạy; đế quốc Mỹ hung hăng ồ ạt kéo vào. Trận Nhà Xanh báo cho giặc biết: đất này không chỗ dung thân; khám Tân Hiệp tan tành, nói cho ngụy rõ: rằng dây kềm gai, tường đá không giam được những người yêu nước.

Năm sáu bốn: Sân bay Biên Hòa nằm trong họng cối; năm sáu sáu: Tổng kho Long Bình vật mọn trong túi đặc công.

Rừng Sác, Lòng Tàu... sông rạch ấy, tàu binh, tàu chiến đầu dể vào ra; Thành Tuy Hạ mấy lần kho đạn nổ tung như trời long đất lở.

Mậu Thân, thị thành lửa dậy: chiến thắng ất về ta.

Bảy lăm, Xuân Lộc - cửa thép giặc vỡ toang: Đón đại quân Giải phóng.

Ba mươi năm sạch bóng quân thù.

Độc lập, Tự do: có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng.

Ba trăm năm, mồ hôi xương máu chếp lại một trang; Nghìn năm, sông núi thái bình, những muôn đời sau nhớ lại.”

Công trình nhà văn bia được xây dựng hiện đại, theo lối kiến trúc truyền thống, gắn liền trong phạm vi di tích, tạo nên một cảnh quan đẹp đẽ, hài hoà và gần gũi với con người. Nơi đây, trở thành một địa điểm sinh hoạt văn hóa lành mạnh, thu hút nhiều người đến sinh hoạt, vui chơi, tham quan.

Mấy thế kỷ qua đi, dầu thế sự thịnh suy thăng trầm, song trong ký ức của nhân dân Việt Nam nói chung và nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng, tên tuổi và sự nghiệp của Chương cơ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vẫn luôn luôn toả sáng:

“Công Lễ Thành Hầu đi mở đất

Nghìn năm con cháu mãi còn ghi”.

B/- Ý kiến đóng góp, kiến nghị về việc giữ gìn, phát huy giá trị của Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh trong quá trình xây dựng, phát triển tỉnh Đồng Nai giàu đẹp, văn minh.

Nhằm bảo tồn di sản văn hóa dân tộc và phát huy giá trị di tích lịch sử trong thời kỳ hội nhập, thời gian qua, ngành VH TT Đồng Nai, UBND TP. Biên Hòa, chính quyền địa phương và Ban quý tế đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh đã tiến hành xử lý mỗi một, nắm mốc, trùng tu, tôn tạo di tích; mở rộng, chỉnh trang lại khuôn viên, kê đá bờ sông với số kinh phí lên đến hàng tỷ đồng.

Trên thực tế, hoạt động bảo tồn, trùng tu di tích không phải chỉ xử lý các vấn đề liên quan đến các yếu tố kỹ thuật, thẩm mỹ mà còn phải ứng xử phù hợp với các yếu tố lịch sử, văn hóa, các đặc trưng và giá trị truyền thống. Di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh mặc dù đang tồn tại ở dạng vật thể nhưng hàm chứa trong đó những yếu tố phi vật thể như tinh thần vượt khó, khắc phục hiểm nguy, thú dữ, dày công sức lao động của cư dân đến vùng đất mới mà đại diện là Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh được tạo ra từ quá khứ, của nhiều thế hệ con dân Biên Hòa - Đồng Nai kế tiếp tích tụ trong suốt quá trình tồn tại, liên quan đến lịch sử, văn hóa, vị trí địa lý. Bởi vậy, việc trùng tu di tích phải được thực hiện theo dự án được lập một cách nghiêm túc, có bài bản trên cơ sở

những kết quả nghiên cứu về di tích đó một cách thấu đáo, đồng thời được tổ chức thực hiện và giám sát một cách thận trọng.

Cùng với vấn đề bảo tồn, trùng tu, tôn tạo cho các di tích thì vấn đề quảng bá giới thiệu và phát huy giá trị của di tích Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, cách mạng cho các thế hệ cũng cần được chú ý. Việc quảng bá, giới thiệu về nguồn gốc, ý nghĩa của các di tích được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như đài, báo và trên cổng thông tin điện tử Đồng Nai... Các bài viết về ý nghĩa, giá trị của Đình Bình Kính cũng như công lao mở cõi về phương Nam của Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh sẽ góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc của các thế hệ đặc biệt là thế hệ trẻ ngày hôm nay.

Trong quá trình tham gia cuộc thi Văn hóa lịch sử Đồng Nai 2012, em đã đi tham quan khá nhiều di tích cấp quốc gia trong tỉnh. Điều thất vọng nhất của em là đến di tích nào cũng thấy cửa đóng then cài, rất khó để vào chánh điện thắp hương viếng các bậc tiền nhân cũng như tìm hiểu kiến trúc nghệ thuật và cách bài trí bên trong của đình. Từ kết quả tham quan, em thấy có một số mặt hạn chế trong việc tổ chức, gìn giữ, bảo quản đình Bình Kính như sau:

- Phần lớn du khách đến đình không phải do sức hút từ ý nghĩa, giá trị lịch sử mà tới đây để cầu cúng, thi hành tín ngưỡng là chủ yếu, nghỉ mát, nghỉ lưng vào buổi trưa;
- Kinh phí quản lý, bảo tồn, tôn tạo di tích rất hạn chế. Kinh phí tu bổ, tôn tạo các di tích hiện nay bằng hai nguồn: nguồn kinh phí do nhà nước cung cấp nhằm chống xuống cấp cho di tích thì hạn chế; Với nguồn kinh phí nhận được từ sự đóng góp, ủng hộ của nhân dân, chủ yếu đóng góp vào các dịp tế, lễ ở đình vì vậy cũng không được thường xuyên. Ngoài ra, khoản trợ cấp cho người giữ đình có lẽ không có nên đã có hiện tượng khi có khách đến viếng thì đến xin “tiền”, dù không mở cửa đình.
- Việc tuyên truyền, quảng bá về di tích lịch sử đình Bình Kính nói riêng và các di tích trong tỉnh nói chung tuy đã được thực hiện nhưng chưa sâu, chưa tạo ra sức hấp dẫn, thu hút du khách... Có nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng một trong những lý do chủ yếu là thông tin về các di tích còn rất hạn chế. Trong quá trình tham qua các di tích lịch sử văn hóa của Đồng Nai, em thật sự gặp rất nhiều khó khăn vì không thể kiếm ở đâu một bản đồ du lịch, bản đồ giới thiệu về di tích - danh thắng của Đồng Nai cũng như hệ thống biển chỉ dẫn đường đến các di tích. Vì vậy phải lên trang google để tìm đường, hỏi thăm nhân dân địa phương khi đến khu vực có di tích.
- Không có người quản lý hoặc người trực tại di tích đình Bình Kính để đón tiếp du khách, hướng dẫn, giới thiệu để mọi người hiểu về quá trình hình thành, xây dựng cũng như trùng tu di tích như thế nào. Một điều nữa là khi mới vào nhìn trên tường thấy dòng chữ “coi chừng mất xe”, bản thân em đã mất đi một nửa cái cảm giác háo hức của lúc ban đầu đến đình, đi tham quan nhưng tâm trạng thấp thỏm, lo lắng vì sợ mất xe !

Các di tích lịch sử - văn hóa có liên quan đến việc hình thành Trấn Biên xưa - Biên Hoà Đồng Nai ngày nay như Đình Tân Lân, Đình Bình Kính, Chùa Đại Giác ... có vai trò, ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống văn hóa của cộng đồng nhân dân Biên Hoà - Đồng Nai. Do vậy, cùng với hệ thống các di tích văn hoá lịch sử ở Đồng Nai, di tích lịch sử Đình Bình Kính cần có sự quan tâm, đầu tư nhiều hơn để thực sự xứng đáng với công

lao của Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh, xứng đáng với tâm vóc của vùng địa đầu phương Nam từ khi mở nước của dân tộc Việt.

Từ những suy nghĩ đó, em xin đưa ra một số ý kiến đóng góp, kiến nghị về việc giữ gìn, phát huy giá trị của Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh trong quá trình xây dựng, phát triển tỉnh Đồng Nai giàu đẹp, văn minh:

- Nâng cao hơn nữa chất lượng của công tác quản lý di tích: cần thành lập Tổ quản lý di tích trực thuộc Ban quản lý di tích của tỉnh để làm tốt hơn nữa công tác quản lý, bảo vệ, trùng tu tôn tạo, tổ chức lễ hội và đón khách tham quan. Từ đó xây dựng cơ chế phối hợp giữa Tổ quản lý di tích với phòng Văn hóa thành phố Biên Hòa, Ban Văn hóa xã Hiệp Hòa; bố trí người trực để hướng dẫn du khách và tiến hành thu phí tham quan để tạo nguồn kinh phí bảo quản, trả công cho nhân viên trực thuyết minh.

Chính quyền xã Hiệp Hòa và tổ quản lý di tích cần thường xuyên trực tiếp theo dõi, phát hiện tình trạng hư hỏng, bảo vệ cổ vật và phát hiện kịp thời những sai sót khi thực hiện các dự án tu bổ, tôn tạo di tích; ngăn chặn những trường hợp lợi dụng (nếu có) khách viếng thăm để xin tiền. Các đơn vị quản lý cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra di tích để xử lý kịp thời các hành vi vi phạm làm ảnh hưởng đến giá trị của các di tích.

- Trong quy hoạch đô thị Biên Hòa, quy hoạch vùng du lịch Cù Lao Phố, các nhà quy hoạch cần phải né tránh các khu vực ảnh hưởng đến di tích; xác định phạm vi gây ảnh hưởng của các công trình bao quanh đối với di tích để tạo nên một môi trường không gian phù hợp.

- Việc trùng tu, tu bổ, tôn tạo di tích cần có quy hoạch tổng thể cho toàn bộ các di tích theo từng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn; cũng cần có những biện pháp bảo quản mang tính phòng ngừa, hạn chế hư hỏng, đồng thời chú ý không làm ảnh hưởng đến những yếu tố nguyên có của di tích cũng như các di vật, cổ vật trong di tích. Đình Kinh Kính, do nằm cạnh bờ sông Đồng Nai sẽ bị ảnh hưởng tác động của thời tiết, nhất là độ ẩm vào mùa mưa hoặc nước sông dâng cao, là những điều kiện thuận lợi để côn trùng, nấm mốc gây hại cho di tích cũng như các di vật, cổ vật có trong di tích vì vậy khi quy hoạch trùng tu, tôn tạo cũng cần chú ý tới yếu tố này.

- Khi xây dựng kế hoạch trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử đình Bình Kính cần phải làm cho di tích gần gũi hơn, rộng mở hơn đối với các hoạt động của người dân Biên Hòa. Thầy cô có thể tới đây giảng dạy môn lịch sử cho học sinh, các nhà mỹ thuật tới đây để phân tích các mẫu hoa văn, các bậc phụ huynh có cơ hội kể cho con cháu nghe những câu chuyện truyền thống của quê hương, của dân tộc mình... Trên thực tế, di tích lịch sử đình Bình Kính đang bị bó hẹp, đóng khuôn trong các hàng rào. Đình Bình Kính mặc dù là một dấu ấn trang trọng trong đời sống tâm linh của người dân Biên Hòa - Đồng Nai, tuy nhiên hầu như không mở cửa phục vụ khách tham quan (trừ khi có ngày giỗ, lễ Kỳ yên, tết) đã làm cho di tích ít có cơ hội xâm nhập vào đời sống của người dân.

- Làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến văn bản pháp quy về bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa cho nhân dân, để mọi người có nhận thức đầy đủ, từ đó có thái độ và hành động đúng đắn tham gia tích cực vào công tác bảo vệ, phát huy giá trị di tích. Trong công tác bảo tồn di tích lịch sử văn hóa, bên cạnh những biện pháp sử dụng khoa

học kỹ thuật, chuyên môn để bảo tồn, gìn giữ thì công tác giáo dục cộng đồng về những di sản ấy cũng là một điều quan trọng. Nếu mọi người hiểu rõ được ý nghĩa, giá trị của di tích, họ sẽ tự hào về di tích của địa phương, của quê hương mình, coi chúng như một phần của đời sống văn hóa tinh thần. Từ đó, ý thức bảo vệ di tích của mỗi người sẽ được nâng lên, những hành động làm tổn hại di tích sẽ bị lên án và loại trừ. Đây mạnh tuyên truyền làm thay đổi nhận thức của người dân sống tại di tích, khi người dân ý thức được giá trị và tầm quan trọng của di tích thì sẽ tự giác bảo vệ.

Việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về di tích lịch sử văn hóa có thể sử dụng bằng nhiều hình thức khác nhau như mở cuộc vận động để các cá nhân, tổ chức xã hội tại địa phương tham gia viết bài tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức họp bàn trực tiếp với người dân về bảo vệ di tích; cũng có thể gắn những nội dung này vào các hương ước, nội qui xây dựng thôn văn hóa, gia đình văn hóa...

- Đầu tư kinh phí để nâng cao chất lượng, qui mô tổ chức lễ hội Kỳ yên hằng năm tại đình Bình Kính. Các nghi lễ, hoạt động trong lễ hội chính cần được nghiên cứu, chuẩn bị, đầu tư công sức, kinh phí để vừa mang bản sắc truyền thống của cư dân vùng Trấn Biên, vừa thể hiện được hào khí anh hùng, bất khuất của dân tộc.

- Tăng cường quảng bá về các di tích lịch sử - văn hóa của Đồng Nai nói chung nhằm thu hút khách du lịch. Việc quảng bá này đóng vai trò nâng cao nhận thức của toàn xã hội về giá trị của các di tích, đồng thời giới thiệu tiềm năng, cơ hội đầu tư cho du lịch của tỉnh. Việc quảng bá cần tập trung trên các phương tiện thông tin đại chúng, các ấn phẩm xuất bản, tờ rơi, biển quảng cáo, thông qua các công ty du lịch trong cũng như ngoài nước. Trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Đồng Nai hiện nay đã có các mục về di tích lịch sử văn hóa, lễ hội truyền thống nhằm giới thiệu các di tích, lễ hội tiêu biểu của tỉnh, tuy nhiên thông tin chỉ mang tính khái quát, giới thiệu sơ lược về di tích đó.

Các tuyến du lịch ở Đồng Nai như: tuyến du lịch Sông Đồng Nai - Biên Hòa; tuyến du lịch Vĩnh Cửu - Thống Nhất; tuyến Long Khánh - Xuân Lộc ... hiện đang giới thiệu trên các website còn quá sơ sài, thiếu cập nhật và chỉ mang tính giới thiệu về các di tích văn hóa lịch sử, chưa thể hiện được tiềm năng, sự hấp dẫn để thu hút du khách. Cũng cần nói thêm, theo giới thiệu của thể lệ hội thi, em cũng vào website của Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai nhưng rất khó tra cứu về di tích lịch sử văn hóa của tỉnh nhà; các thông tin thường sơ sài và thiếu cập nhật.

Trong quá trình giao lưu, hội nhập hiện nay, di tích lịch sử văn hóa lịch sử đã trở thành nhân tố quan trọng để phát triển du lịch. Thông qua các hoạt động quảng bá du lịch, di tích lịch sử Đình Bình Kính được giới thiệu rộng khắp, là điểm nhấn văn hoá tiêu biểu để du khách hiểu hơn về Trấn Biên xưa - Biên Hòa Đồng Nai nay, về một vùng đất phương Nam mà Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh đã có công rất lớn.

Theo em, để phục vụ tốt cho việc quảng bá, giới thiệu cụ thể, sâu rộng hơn về các di tích cần xây dựng một website dành riêng cho di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn toàn tỉnh, bao gồm di tích văn hóa vật thể và phi vật thể. Trong website cần bố trí các mục rõ ràng, thuận tiện để mọi người có thể vào tra cứu, tìm hiểu. Cần chuẩn bị tốt nội dung giới thiệu về di tích. Đây cũng là yêu cầu của phục vụ phát triển du lịch. Nội dung giới thiệu cho du khách không cần thiết phải thật sự chi tiết, nhưng phải đầy đủ và chọn lọc.

- Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử Đình Bình Kính là hoạt động có ý nghĩa thiết thực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Đồng Nai, đó là nhân tố quan trọng của phát triển bền vững. Di tích Đình Bình Kính là nguồn tài nguyên quan trọng trong phát triển du lịch văn hóa của Biên Hòa - Đồng Nai. Di tích Đình Bình Kính nếu không được đưa ra giới thiệu với công chúng, không phục vụ du lịch thì cũng không hình thành nên sản phẩm du lịch và không có sản phẩm du lịch văn hoá thì đồng nghĩa với việc không có du lịch văn hoá.

Ngày nay, các nhà khoa học đã đưa ra khái niệm mới về bảo tồn di tích gọi là “bảo tồn tích cực”, nghĩa là đưa di tích vào phục vụ cuộc sống. Các di sản văn hoá phải được tổ chức giới thiệu rộng rãi cho công chúng biết, chiêm ngưỡng, nghiên cứu. Du lịch là một phương thức để đưa di tích đến với công chúng. Thông qua hoạt động du lịch mà những di tích lịch sử văn hoá vốn đang “khô cứng” hoặc đang bị “bảo tàng hóa” trở thành những di sản sống, được phục vụ, được công hiến với sứ mạng nhân văn cao cả.

- Việc tổ chức cho du khách tham quan không chỉ dừng lại ở các điểm di tích này hay di tích khác trong tỉnh mà cần mở rộng, xây dựng các sản phẩm du lịch bằng cách kết hợp giữa di tích lịch sử văn hoá với các sản phẩm đặc trưng của vùng như các làng nghề đá truyền thống ở Bửu Long, các nhà làng của dân tộc bản địa trên địa bàn Đồng Nai, khu vườn sinh thái, Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai rừng nguyên sinh Nam Cát Tiên, Mã Đà Chiến khu Đ, ... để tạo nên những tour du lịch hấp dẫn, thu hút đông đảo du khách đặc biệt là du khách quốc tế.

- Bảo vệ môi trường khu vực di tích lịch sử Đình Bình Kính là yêu cầu quan trọng trong phát triển du lịch. Môi trường ở đây phải được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội nhân văn. Môi trường du lịch tự nhiên bao gồm môi trường nước, môi trường không khí, môi trường đất, tình hình nước thải, chất thải rắn... Môi trường xã hội nhân văn trong khu di tích, di sản thể hiện qua tình hình quản lý khu di tích, tình hình trật tự trị an khu vực...

Nếu môi trường tự nhiên bị ô nhiễm, cũng như môi trường văn hoá xã hội thiếu lành mạnh sẽ làm giảm tính hấp dẫn của di tích đối với khách du lịch, và đương nhiên làm giảm tính hiệu quả trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản.

Hiện nay, du lịch được xác định là ngành kinh tế quan trọng của đất nước. Việc đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch văn hoá trên cơ sở khai thác hiệu quả các giá trị của di tích lịch sử văn hoá là việc làm cấp thiết. Bởi vì, du lịch không chỉ đơn thuần là một hoạt động kinh tế, nó còn mang nội dung nhân văn và xã hội sâu sắc, thông qua hoạt động du lịch để giáo dục truyền thống và góp phần nâng cao dân trí.

Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích lịch sử - văn hoá của tỉnh Đồng Nai nói chung, di tích lịch sử Đình Bình Kính nói riêng nếu được thực hiện có hiệu quả sẽ góp phần nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân, giáo dục truyền thống đoàn kết, yêu nước, khơi dậy niềm tự hào dân tộc cho các thế hệ đặc biệt là thế hệ trẻ ngày nay, đồng thời tạo nên nguồn nội lực to lớn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần xây dựng quê hương Biên Hòa - Đồng Nai giàu đẹp, văn minh trong tương lai./.

ẢNH MINH HỌA THAM QUAN DI TÍCH DANH THẮNG CẤP QUỐC GIA Ở ĐỒNG NAI
1/-ĐỀN THỜ NGUYỄN HỮU CẢNH Ở XÃ HIỆP HÒA, TP.BIÊN HÒA
(Xếp hạng Di tích Lịch sử theo QĐ số 457/QĐ, ngày 25/03/1991)







2/-CHÙA ÔNG - THẤT PHỦ CỔ MIẾU Ở XÃ HIỆP HÒA, TP. BIÊN HÒA

(Xếp hạng Di tích Lịch sử Văn hóa theo QĐ số 04/2001/QĐ-BVHTT, ngày 19/01/2001)



3/-CHÙA ĐẠI GIÁC Ở XÃ HIỆP HÒA, TP. BIÊN HÒA

(Xếp hạng Di tích Lịch sử và nghệ thuật theo QĐ số 993/QĐ, ngày 28/09/1990)



4/-DANH THẮNG BỬU LONG, PHƯỜNG BỬU LONG, TP. BIÊN HÒA
(Xếp hạng Di tích Danh thắng theo QĐ số 208/VH-QĐ, ngày 13/03/1990)



5/-NƠI DIỄN RA CUỘC NỔI DẬY PHÁ NHÀ LAO TÂN HIỆP Ở PHƯỜNG TÂN TIẾN, TP. BIÊN HÒA
(Xếp hạng Di tích Lịch sử Văn hóa theo QĐ số 2754/QĐ/BT, ngày 15/10/1994)



6/-TÒA HÀNH CHÁNH TỈNH LONG KHÁNH Ở PHƯỜNG XUÂN AN, THỊ XÃ LONG KHÁNH
(Xếp hạng Di tích Lịch sử theo QĐ số 1288/VH-QĐ, ngày 16/11/1988)



7/-ĐÀI CHIẾN SĨ Ở PHƯỜNG TRUNG DŨNG, TP. BIÊN HÒA
(Xếp hạng Di tích Lịch sử theo QĐ số 1288/VH-QĐ, ngày 16/11/1988)



8/-ĐÌNH TÂN LÂN Ở PHƯỜNG HÒA BÌNH, TP. BIÊN HÒA
(Xếp hạng Di tích Lịch sử và nghệ thuật theo QĐ số 457/QĐ, ngày 25/03/1991)

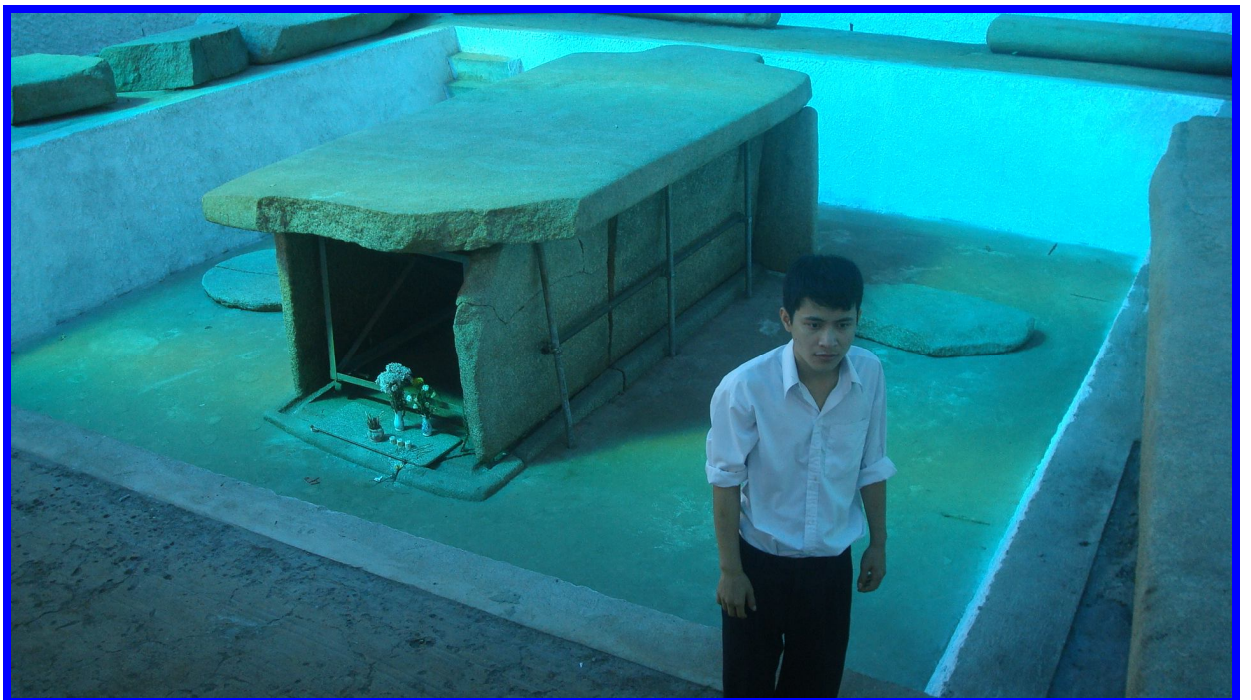


9/-NHÀ XANH Ở PHƯỜNG THỐNG NHẤT, TP. BIÊN HÒA
(Xếp hạng Di tích Lịch sử theo QĐ số 235/VH-QĐ, ngày 12/12/1986)



10/MỘ CỤ THẠCH HÀNG GÒN, Ở XÃ HÀNG GÒN, THỊ XÃ LONG KHÁNH

(Xếp hạng Di tích Khảo cổ học theo QĐ số 147/VH-QĐ, ngày 24/12/1982)



11/-QUẢNG TRƯỜNG SÔNG PHỐ Ở PHƯỜNG THANH BÌNH, TP. BIÊN HÒA

(Xếp hạng Di tích Lịch sử theo QĐ số 2307/QĐ, ngày 30/12/1991)



12/-MỘ TRINH HOÀI ĐỨC Ở PHƯỜNG TRUNG DŨNG, TP. BIÊN HÒA

(Xếp hạng Di tích Lịch sử theo QĐ số 1539/QĐ, ngày 27/12/1990)



13/-NHÀ HỘI BÌNH TRƯỚC, PHƯỜNG THANH BÌNH, TP. BIÊN HÒA

(Xếp hạng Di tích Lịch sử theo QĐ số 2307/QĐ, ngày 30/12/1991)



**14/-ĐỊA ĐIỂM THÀNH LẬP ĐOÀN 125 – TIỀN THÂN CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG
ĐOÀN KẾT CỨU NƯỚC CAMPUCHIA Ở XÃ LONG GIAO, HUYỆN CẨM MỸ**

(Xếp hạng Di tích Lịch sử theo QĐ số 4317/QĐBVHTTDL, ngày 29/12/2011)

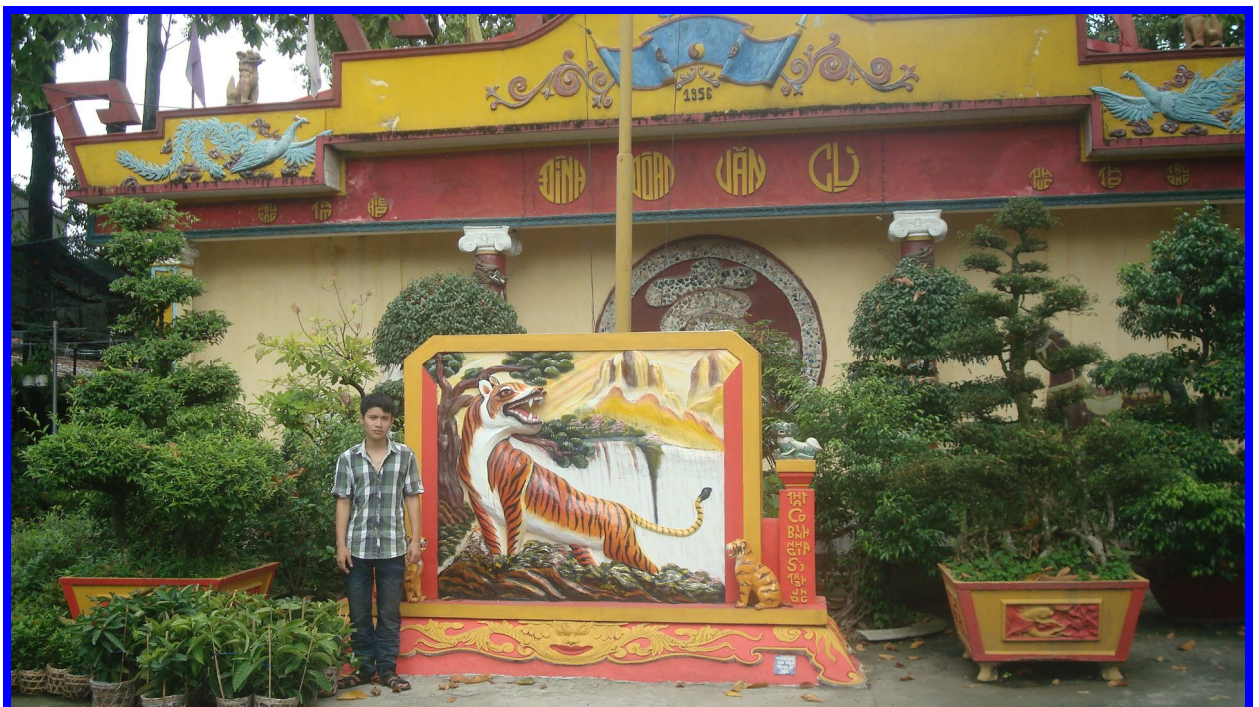


15/-ĐÌNH AN HÒA Ở XÃ AN HÒA, HUYỆN LONG THÀNH

(Xếp hạng Di tích Kiến trúc Nghệ thuật theo QĐ số 100/VH-QĐ, ngày 21.01.1989)



16/-ĐỀN THỜ ĐOÀN VĂN CỰ Ở PHƯỜNG TAM HIỆP, TP. BIÊN HÒA
(Xếp hạng Di tích Lịch sử Văn hóa theo QĐ số 722/QĐ/BVHTT, ngày 25.04.1998)



17/-ĐỀN THỜ NGUYỄN TRI PHƯƠNG Ở PHƯỜNG BỬU HÒA, TP. BIÊN HÒA

(Xếp hạng Di tích Lịch sử Văn hóa theo QĐ số 97/QĐ, ngày 21.01.1992)



18/-CHÙA LONG THIÊN Ở PHƯỜNG BỬU HÒA, TP. BIÊN HÒA

(Xếp hạng Di tích Lịch sử theo QĐ số 1057/QĐ, ngày 14.06.1991)

